TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN CHÂU THÀNH** **TỈNH TÂY NINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 172/2023/DS-ST
Ngày: 22-11-2023
V/v Tranh chấp về thừa kế tài sản

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHÂU THÀNH, TỈNH TÂY NINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Kim Quyên.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Nguyễn Xuân Thủy.

2. Ông Hoàng Đình Ngân.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hà, Thư ký Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Tây Ninh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Tây Ninh *tham gia phiên tòa:* Ông Võ Minh Mẫn - Kiểm sát viên.

Trong các ngày 16 và 22 tháng 11 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Tây Ninh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 143/2022/TLST- DS ngày 17 tháng 5 năm 2022 về việc "Tranh chấp về thừa kế tài sản" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 163A/2023/QĐXXST-DS ngày 18 tháng 9 năm 2023, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà Bùi Thị H, sinh năm: 1970; Địa chỉ: ấp B, xã Đ, huyện C, tỉnh Tây Ninh. "vắng mặt".

Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn: Ông Lê Hòa Thái S, sinh năm 1989; Địa chỉ: Khu phố H, phường H, thị xã H, tỉnh Tây Ninh (Văn bản ủy quyền ngày 14 tháng 11 năm 2022). "có mặt"

2. Bị đơn:

2.1. Bà Bùi Thị T, sinh năm 1976; Địa chỉ: Ấp D, xã T, huyện T, tỉnh Tây Ninh. "có mặt"

2.2. Bà Bùi Thị N, sinh năm: 1974; Địa chỉ: ấp C, xã Đ, huyện C, tỉnh Tây Ninh. "có mặt"

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

3.1. Ông Bùi Văn Đ, sinh năm: 1963; Địa chỉ: ấp B, xã Đ, huyện C, tỉnh Tây Ninh. "vắng mặt, có đơn đề nghị xét xử vắng mặt"

3.2. Bà Bùi Thị X, sinh năm: 1967; Địa chỉ: ấp S, xã T, huyện T, tỉnh Tây Ninh. "có mặt, vắng mặt khi tuyên án"

3.3. Chị Phạm Thị T1, sinh năm 1978; Địa chỉ: ấp B, xã Đ, huyện C, tỉnh Tây Ninh. "vắng mặt, có đơn đề nghị xét xử vắng mặt"

3.4. Chị Phạm Thị H1, sinh năm: 1981; Địa chỉ: phường L, thị xã H, tỉnh Tây Ninh. "vắng mặt"

3.5. Anh Phạm Thanh S1, sinh năm 1986; Địa chỉ: ấp T, xã T, thành phố T, tỉnh Tây Ninh. "vắng mặt, có đơn đề nghị xét xử vắng mặt"

3.6. Chị Phạm Thị Ngọc D, sinh năm 1988; Địa chỉ: ấp B, xã Đ, huyện C, tỉnh Tây Ninh. "vắng mặt, có đơn đề nghị xét xử vắng mặt"

3.7. Bà Võ Ngọc T2, sinh năm 1967; Địa chỉ: ấp C, xã Đ, huyện C, tỉnh Tây Ninh. "vắng mặt, có đơn đề nghị xét xử vắng mặt"

3.8. Chị Bùi Thúy H2, sinh năm: 1992; Địa chỉ: ấp C, xã Đ, huyện C, tỉnh Tây Ninh. "vắng mặt"

3.9. Chị Bùi Ngọc T3, sinh năm: 1987; Địa chỉ: ấp C, xã Đ, huyện C, tỉnh Tây Ninh. "vắng mặt"

3.10. Chị Bùi Ngọc B, sinh năm: 1995; Địa chỉ: ấp B, xã Đ, huyện C, tỉnh Tây Ninh. "vắng mặt, có đơn đề nghị xét xử vắng mặt"

3.11. Anh Bùi Hoài A, sinh năm: 1993; Địa chỉ: ấp B, xã Đ, huyện C, tỉnh Tây Ninh. "vắng mặt".

3.12. Ông Phạm Tấn L, sinh năm 1956; Địa chỉ: ấp B, xã Đ, huyện C, tỉnh Tây Ninh. "vắng mặt".

3.13. Ông Nguyễn Văn V, sinh năm 1975; Địa chỉ: ấp B, xã Đ, huyện C, tỉnh Tây Ninh. "vắng mặt, có đơn đề nghị xét xử vắng mặt"

NỘI DUNG VỤ ÁN:

**** Theo đơn khởi kiện đề ngày 27 tháng 4 năm 2022, trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, nguyên đơn bà Bùi Thị H và người đại diện theo ủy quyền là ông Lê Hòa Thái S trình bày***

Cha mẹ của bà H là ông Bùi Văn R (1928 - 1988) và bà Lê Thị N1 (1938 - chết ngày 03-5-2021) có 08 người con chung, không có con riêng, con nuôi, gồm: 1/ Bùi Thị P: sinh năm 1956, chết năm 2012, có chồng tên Phạm Tấn L (hiện không rõ nơi cư trú) và 04 người con tên Phạm Thị T1, Phạm Thị H1, Phạm Thanh S1, Phạm Thị D; 2/ Bùi Văn Y: sinh năm 1958, chết năm 2016, có vợ tên Võ Ngọc T2, có 03 người con là Bùi Văn S2 (đã chết năm 2022, không có vợ, con), Bùi Thúy H2 và Bùi Ngọc T3; 3/ Bùi Văn Đ, sinh năm 1961; 4/ Bà Bùi Thị X, sinh năm 1967; 5/ Bùi Văn Q (Huê): sinh năm 1969, chết năm 2018, có vợ tên Hứa Thị S3 (đã ly hôn năm 2011), có hai người con tên Bùi Hoài A, Bùi Ngọc B; 6/ Bùi Thị H, sinh năm 1970; 7/ Bùi Thị N, sinh năm 1972; 8/ Bùi Thị T, sinh năm 1976. Ông bà nội ngoại đã chết trước cha mẹ bà từ rất lâu. Ông R chết không để lại di chúc. Ông R, bà N1 chết không để lại nghĩa vụ tài sản nào.

Khi còn sống, ông R bà N1 có tạo lập được hơn 02 ha đất. Sau khi ông R chết, bà N1 tiến hành phân chia đất cho các con, cụ thể: Chia cho ông Y 03 công đất ở ấp S, chia cho ông Đ 04 công đất ruộng và 01 công đất gò ở xã A, chia cho ông Q (Huê) 05 công đất ở ấp A, chia cho bà H 01 công đất ruộng ở xã A, chia cho Bùi Thị T 1,5 công đất ruộng ở xã A. Riêng bà X, bà N tự nguyện không nhận tài sản nào, thực tế bà N cũng được bà N1 cho một dàn máy may, trị giá hơn hai chỉ vàng ở thời điểm này. Còn lại khoảng 06 đến 07 công đất thì bà N1 chuyển nhượng cho người khác và dùng tiền chuyển nhượng có được nhận chuyển nhượng 04 mét ngang đất ở ấp B (là hai phần đất hiện đang tranh chấp).

Khi bà N1 còn sống, bà N1 và những người con cùng bàn bạc, thống nhất để bà về ở cùng để chăm sóc bà N1. Thỏa thuận này có lập thành văn bản do ông Q (Huê) viết tay, có chữ ký của bà N1 và các anh chị em khác. Bà đã chuyển nhượng nhà, đất ở C để lấy tiền san lấp bằng phẳng phần đất của bà N1 và xây dựng một căn nhà cấp 04 để sống cùng bà N1 cho đến nay.

Ngày 30-5-2011, tại Phòng C, thành phố T, tỉnh Tây Ninh, bà N1 đã lập di chúc để lại cho bà toàn bộ tài sản gồm diện tích đất 120 m^2 thuộc thửa đất số

2305, tờ bản đồ số 03 và diện tích đất 280 m^2 đất thuộc thửa đất số 2303, 2304, 2306, tờ bản đồ số 03, tọa lạc tại ấp B, xã Đ, huyện C, tỉnh Tây Ninh.

Sau khi bà N1 chết, bà làm thủ tục kê khai hưởng di sản thừa kế theo di chúc thì bà H, bà T phản đối, tranh chấp, nói lời khó nghe và xúc phạm bà.

Nay bà yêu cầu Tòa án giải quyết công nhận di chúc của bà Lê Thị N1 lập ngày 30-5-2011 là hợp pháp để bà được hưởng di sản gồm diện tích đất 120 m^2 thuộc thửa đất số 2305, tờ bản đồ số 03 và diện tích đất 280 m^2 đất thuộc thửa đất số 2303, 2304, 2306, tờ bản đồ số 03, tọa lạc tại ấp B, xã Đ, huyện C, tỉnh Tây Ninh.

**** Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, bị đơn - bà Bùi Thị N - trình bày***

Lời trình bày của bà H về mối quan hệ nhân thân, hàng thừa kế, diện thừa kế, người thừa kế là đúng. Ông R, bà N1 chết không để lại nghĩa vụ tài sản nào.

Về nguồn gốc hai phần đất đang tranh chấp, bà thống nhất như bà H trình bày. Sau khi ông R chết, bà N1 tiến hành phân chia đất cho các con, các anh em trong gia đình đều thống nhất, không ai có ý kiến, tranh chấp gì. Tuy nhiên, bà và bà X tự nguyện không nhận tài sản nào vì muốn bà N1 có đủ tiền để nhận chuyển nhượng hai phần đất hiện đang tranh chấp.

Đối với chứng cứ do bà H cung cấp là tờ Di chúc: Bà xác định chữ ký không đúng của bà N1 nhưng bà không yêu cầu trưng cầu giám định chữ ký. Đối với tờ "Giấy họp mặt gia đình (phô tô)", bà xác định đúng chữ ký của bà, bà T, bà X, bà N1. Thời điểm lập giấy này có họp mặt các anh chị em và bà N1 để thống nhất giao phần đất đang tranh chấp cho bà H sinh sống chứ không được quyền chuyển nhượng, sau này để lại đất làm nhà thờ. Nội dung theo như giấy tay này là không đúng.

Bà không đồng ý với yêu cầu khởi kiện của bà H. Lúc bà N1 lập di chúc, bà và các anh chị em khác đều không biết và không ký tên nên di chúc không có giá trị. Bà chỉ đồng ý để bà H được sử dụng đất, ở trên đất, đứng tên quyền sử dụng đất nhưng không được chuyển quyền sử dụng đất vì phần đất này các anh chị em đã thống nhất giữ lại làm nơi thờ cúng cha mẹ.

**** Bị đơn - bà Bùi Thị T:*** thống nhất lời khai và ý kiến như bà N.

* ***Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan - bà Bùi Thị X:*** thống nhất lời khai và ý kiến như bà N.

**** Trong quá trình giải quyết vụ án, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan - ông Bùi Văn Đ - trình bày***: Ông là anh ruột của bà H, bà N, bà T. Ông thống nhất lời trình bày của bà H về mối quan hệ nhân thân, hàng thừa kế, diện thừa kế, người thừa kế. Cha mẹ ông là ông R bà N1 có tạo lập được hơn 02 ha đất, đã được đứng tên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Khi cha mẹ còn sống đã phân chia đất cho các con, phân chia cho 03 người con trai mỗi người 03 công đất ruộng và 01 công đất gò ở ấp S, xã A, huyện C, tỉnh Tây Ninh. Sau khi ông R chết, bà N1 phân chia đất cho các con gái, cụ thể: chia cho bà Bùi Thị T và bà Bùi Thị H mỗi người 01 công đất ruộng ở xã A. Riêng bà X và bà N thì không nhận phân chia, việc bà N1 có hứa sau này sẽ phân chia đất cho bà X và bà N hay không thì ông không biết. Còn lại khoảng 06 công đất thì bà N1 chuyển nhượng và dùng số tiền có được để nhận chuyển nhượng 04 mét ngang đất ở ấp B (là 02 phần đất hiện đang tranh chấp). Khoảng năm 2011, các anh chị em và bà N1 thống nhất để bà H về ở cùng bà N1, cho bà H xây lại nhà, đổ nền cao ráo để ở cùng bà N1. Các anh em trong gia đình cùng họp bàn thống nhất để lại phần đất đang tranh chấp cho bà H ở để thờ cúng chứ không được chuyển nhượng, việc này có lập thành văn bản giao cho bà H giữ.

Diện tích đất thuộc thửa đất số 2305, tờ bản đồ số 03 và diện tích đất thuộc thửa đất số 2303, 2304, 2306, tờ bản đồ số 03, tọa lạc tại ấp B, xã Đ, huyện C, tỉnh Tây Ninh là tài sản chung của cha mẹ ông, do mẹ ông dùng tiền chuyển nhượng toàn bộ diện tích đất của cha mẹ tạo lập được để nhận chuyển nhượng đất này. Việc mẹ ông lập di chúc toàn bộ đất cho bà H là không đúng, vì khi mẹ ông lập di chúc các anh em trong gia đình không biết.

Đối với yêu cầu khởi kiện của bà H, ông đồng ý để bà H được đứng tên quyền sử dụng đất nêu trên nhưng không được chuyển quyền sử dụng đất mà phải giữ lại làm nơi thờ cúng cha mẹ vì đây là ý nguyện của mẹ ông. Trong trường hợp phải phân chia di sản thì ông cũng từ chối nhận phần di sản mình được hưởng.

**** Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan - bà Võ Ngọc T2 - trình bày trong quá trình giải quyết vụ án:*** Bà là vợ của ông Bùi Văn Y (đã chết năm

2016). Lời trình bày của bà H về những mối quan hệ nhân thân là đúng. Khi ông R, bà N1 còn sống thì đã tiến hành phân chia đất cho các con xong, sau khi ông R chết thì bà N1 mới nhận chuyển nhượng hai phần đất hiện đang tranh chấp bằng tiền chuyển nhượng đất ở S, A. Về việc gia đình bên chồng bà họp mặt để thống nhất cho bà H quản lý, sử dụng đất của bà N1 nhưng không được quyền chuyển nhượng thì bà không biết. Bà cũng không biết việc bà N1 để lại di chúc. Đối với yêu cầu khởi kiện của bà H, bà không có ý kiến hay tranh chấp gì do các tài sản này không liên quan đến bà và các con bà.

**** Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan - chị Phạm Thị Ngọc D - trình bày trong quá trình giải quyết vụ án:*** Chị là con ruột của bà Bùi Thị P. Chị xác định 02 phần đất ở ấp B đang tranh chấp là của bà N1 nhận chuyển nhượng, sau này, bà H về sống chung, chăm sóc bà N1 và tiến hành đổ đất bằng phẳng, xây nhà cấp 04 trên đất. Chị không biết việc phân chia đất giữa các cậu, các dì và cũng không biết việc bà N1 để lại di chúc. Đối với yêu cầu khởi kiện của bà H, chị không có ý kiến hay tranh chấp gì, nếu được phân chia di sản thì chị cũng không nhận.

**** Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan - chị Phạm Thị T1:*** Vì lý do sức khỏe, chị đề nghị vắng mặt trong suốt quá trình giải quyết vụ án.

**** Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan - anh Phạm Thanh S1 - trình bày trong quá trình giải quyết vụ án:*** Anh là con ruột của bà Bùi Thị P. Anh xác định 02 phần đất ở ấp B đang tranh chấp là của bà N1 nhận chuyển nhượng, sau này, bà H về sống chung, chăm sóc bà N1. Anh không biết việc phân chia đất giữa các cậu, các dì và bà N1. Đối với yêu cầu khởi kiện của bà H, anh không có ý kiến hay tranh chấp gì, nếu được phân chia di sản thì anh cũng không nhận.

**** Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan - chị Bùi Ngọc B - trình bày trong quá trình giải quyết vụ án:*** Chị là con ruột của ông Bùi Văn Q (Huê). Đối với yêu cầu khởi kiện của bà H, chị không có ý kiến hay tranh chấp gì.

**** Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan - ông Nguyễn Văn V - trình bày***: Ông là chồng của bà Bùi Thị H. Khi mẹ vợ ông là bà N1 còn sống, các anh chị em thống nhất để ông và bà H cùng về sống chung với bà N1 để thuận tiện chăm sóc, phụng dưỡng cho bà. Vợ chồng ông chuyển nhượng nhà đất đang sinh

sống để lấy tiền san lấp mặt bằng phần đất của bà N1 (hiện đang tranh chấp) và xây một căn nhà cấp 04 trên đất để ở. Đến ngày 30-5-2011, bà N1 lập di chúc để lại hai phần đất này cho bà H. Khi bà N1 qua đời, bà H công khai di chúc và làm thủ tục đăng ký quyền sử dụng đất thì bà N, bà T không đồng ý và phát sinh tranh chấp.

Ông không có tranh chấp gì đối với vụ án này. Đối với tài sản là căn nhà và các tài sản khác như cây cối trên đất, ông không có tranh chấp, thống nhất để bà H toàn quyền quyết định.

**** Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan - ông Phạm Tấn L, chị Bùi Thúy H2, chị Bùi Ngọc T3, chị Phạm Thị H1, anh Bùi Hoài A:*** Ông Phạm Tấn L là chồng của bà Bùi Thị P. Chị H2 và chị T3 là con ruột của ông Bùi Văn Y. Chị H1 là con ruột của bà Bùi Thị P. Anh A là con ruột của ông Bùi Văn Q (Huê). Tòa án đã tiến hành niêm yết các văn bản tố tụng theo quy định pháp luật cho ông L, chị H2, chị T3, chị H1, anh A nhưng các đương sự vắng mặt trong quá trình giải quyết vụ án. Tại phiên tòa, các đương sự đã được triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vắng mặt, không lý do.

**** Trong phần tranh luận, người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn - ông Lê Hòa Thái S - trình bày:***

Bà N1 và ông R có tạo lập được tài sản là hơn 02 ha đất nông nghiệp. Khi ông R chết không để lại di chúc, phần phát sinh thừa kế là 01 nửa tài sản chung của ông bà, tương đương 01 ha đất ruộng. Một nửa còn lại là phần tài sản của bà N1. Bà N1 và các con đã thỏa tự thỏa thuận phân chia di sản thừa kế, tại thời điểm thỏa thuận chia tài sản thì bà X và bà N có biết việc phân chia di sản, nhưng không nhận di sản cũng không tranh chấp gì đồng nghĩa với việc bà X và bà N đã từ chối việc nhận di sản thừa kế do ông R để lại. Do đó, phần 06 công đất còn lại sau khi phân chia thuộc về tài sản riêng của bà N1.

Ngày 30-5-2011, bà N1 đến phòng C tỉnh Tây Ninh, lập di chúc lại phần đất trên cho bà H. Việc lập di chúc này trên tinh thần tự nguyện, trong tình trạng sức khỏe bà còn minh mẫn, đúng quy định pháp luật, không trái đạo đức, không vi phạm điều cấm của luật. Nội dung di chúc thể hiện bà N1 để lại toàn bộ tài sản là diện tích đất 120 m^2 thuộc thửa đất số 2305, tờ bản đồ số 03 và diện tích đất 280 m^2 đất thuộc thửa đất số 2303, 2304, 2306, tờ bản đồ số 03, tọa lạc tại ấp

B, xã Đ, huyện C, tỉnh Tây Ninh cho bà H sau khi bà N1 mất, bà H được toàn quyền quản lý sử dụng tài sản mà không ai được quyền ngăn cản. Trong di chúc không thể hiện việc phần đất dùng để hương hỏa hay thờ cúng. Do đó, bà H yêu cầu Tòa án giải quyết công nhận Bản di chúc của bà Lê Thị N1 lập ngày 30-5-2011, cho bà Bùi Thị H được quyền sở hữu 02 QSDĐ số AK 450353 và AK 450353 theo đúng nội dung di chúc.

**** Các đương sự khác không tranh luận.***

**** Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Tây Ninh phát biểu ý kiến:*** Về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và người tham gia tố tụng đều đã tuân thủ theo đúng quy định. Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, các đương sự chịu án phí theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng:

Tại phiên tòa, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan gồm ông Đ, chị T1, chị D, anh S1, chị B, bà T2, ông V vắng mặt có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, chị H1, anh A, chị T3, chị H2, ông L đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vắng mặt, không lý do. Căn cứ quy định tại Điều 227, 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự nêu trên.

[2] Về nội dung:

[2.1] Bà H khởi kiện yêu cầu giải quyết công nhận di chúc của bà Lê Thị N1 lập ngày 30-5-2011 để bà H được hưởng di sản thừa kế là diện tích đất 120 m^2 thuộc thửa đất số 2305, tờ bản đồ số 03 và diện tích đất 280 m^2 đất thuộc thửa đất số 2303, 2304, 2306, tờ bản đồ số 03, tọa lạc tại ấp B, xã Đ, huyện C, tỉnh Tây Ninh. Bà N1 chết ngày 03-5-2021 - là thời điểm mở thừa kế. Căn cứ quy định tại Điều 623 Bộ luật Dân sự năm 2015, thời hiệu yêu cầu chia di sản là 30 năm đối với bất động sản kể từ thời điểm mở thừa kế. Như vậy, tại thời điểm bà H khởi kiện đảm bảo thời hiệu khởi kiện theo quy định pháp luật.

[2.2] Căn cứ lời khai thống nhất của các đương sự, thấy rằng, sau khi ông R chết, bà N1 và tất cả những người con đã thống nhất phân chia tài sản của ông R, bà N1 tạo lập là hơn 02 ha đất. Tất cả những người con đều đồng ý, không

tranh chấp và đã nhận phần tài sản được phân chia. Từ sự thống nhất phân chia này, bà N1 được quyền sử dụng số tiền có được từ việc chuyển nhượng khoảng 06 - 07 công đất và nhận chuyển nhượng lại 04 mét ngang đất (hai phần đất ở ấp B hiện đang tranh chấp trong vụ án). Như vậy, có cơ sở xác định phần di sản thừa kế do ông R để lại đã được phân chia xong cho vợ và các con và 04 mét ngang đất (hai phần đất ở ấp B) là tài sản riêng của bà N1, không còn liên quan đến ông R.

[2.3] Ngày 30-5-2011, bà N1 lập di chúc để lại hai phần đất ở ấp B cho bà H tại Phòng C, tỉnh Tây Ninh, trong tình trạng hoàn toàn minh mẫn, có giấy khám sức khỏe xác nhận đủ điều kiện sức khỏe. Di chúc được lập tại Phòng Công chứng, bảo đảm trình tự thủ tục theo quy định tại Điều 652, 657 Bộ luật Dân sự năm 2005.

[2.4] Bà N, bà T, bà X cho rằng di chúc không hợp pháp vì các người con khác không biết và không ký tên, cũng như chữ ký trong di chúc không phải của bà N1. Theo Điều 646 Bộ luật Dân sự năm 2005 quy định: "*Di chúc là sự thể hiện ý chí của cá nhân nhằm chuyển tài sản của mình cho người khác sau khi chết*" và theo Điều 648 Bộ luật Dân sự năm 2005, người lập di chúc có quyền "1. *Chỉ định người thừa kế*;…". Như vậy, việc bà N1 lập di chúc cho ai do bà N1 tự định đoạt, không cần phải có sự đồng ý hay phải thông báo đến chủ thể nào về việc để lại di chúc. Bà N, bà T, bà X cho rằng chữ ký không phải của bà N1 nhưng không yêu cầu trưng cầu giám định. Trong khi đó, di chúc được công chứng tại Phòng C nên theo Điều 92 Bộ luật Tố tụng dân sự, nội dung di chúc là những tình tiết, sự kiện không phải chứng minh.

[2.5] Bà N, bà T, bà X, ông Đ cho rằng bà N1 và các người con thống nhất hai phần đất ở B để lại làm nhà thờ, chỉ đồng ý cho bà H được sinh sống trên đất chứ không được quyền chuyển nhượng. Tuy nhiên, bà H, bà T, bà X xác định đây là thỏa thuận miệng, không thể hiện qua chứng cứ, tài liệu nào, không có ai làm chứng. Ông Đ cũng không cung cấp chứng cứ nào thể hiện thỏa thuận này.

Ngoài ra, bà H cung cấp một giấy tay đề là "Giấy họp mặt gia đình", nội dung "*Nay mẹ: Lê Thị Năng sinh 1938 ngụ B xã Đ CT TN có giao quyền đất và nuôi mẹ già tới khi qua đời*" có chữ ký của bà N1, bà H, ông V, bà P, ông Đ, bà X, ông Q, bà N, bà T xác nhận đồng ý. Bà N, bà T, bà X xác nhận chữ ký trong

giấy tay là đúng của mình, nhưng lại cho rằng nội dung trong giấy tay không đúng. Trong khi nội dung bà N, bà T, bà X trình bày bà N1 cùng các anh chị em thống nhất "*để đất cho bà H sinh sống, không được quyền chuyển nhượng và để lại đất làm nhà thờ*" lại không có chứng cứ chứng minh. Đồng thời, theo quy định tại Điều 648, 670 Bộ luật Dân sự năm 2005, người lập di chúc có quyền dành một phần tài sản trong khối di sản thờ cúng và "*Trong trường hợp người lập di chúc có để lại một phần di sản dùng vào việc thờ cúng thì phần di sản đó không được chia thừa kế và được giao cho một người đã được chỉ định trong di chúc quản lý để thực hiện việc thờ cúng";* Như vậy, trong nội dung di chúc, bà N1 không dành một phần di sản nào dùng vào việc thờ cúng, việc dành hai phần đất ở B làm nhà thờ chỉ là ý kiến của bà N, bà T, bà X, ông Đ chứ không phải có sự thống nhất của tất cả người thừa kế. Do đó, Hội đồng xét xử không có cơ sở để xem xét.

[2.6] Người thừa kế của bà N1 đều đã thành niên, có khả năng lao động nên không thuộc các trường hợp được hưởng di sản không phụ thuộc vào nội dung di chúc theo Điều 644 Bộ luật Dân sự năm 2015. Bà N1 chết không để lại nghĩa vụ tài sản nào. Di chúc hợp pháp nên căn cứ quy định tại Điều 659 Bộ luật Dân sự năm 2015, bà H được hưởng di sản theo ý chí của bà N1. Cụ thể, theo nội dung di chúc, sau khi qua đời, bà N1 để lại tài sản cho bà H gồm:

- Quyền sử dụng đất diện tích 120 m^2 thuộc thửa đất số 2305, tờ bản đồ số 03, đất có giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số H02563/2834/2007HĐ-CN do UBND huyện C, tỉnh Tây Ninh cấp ngày 22-8-2007 cho bà Lê Thị N1 đứng tên sử dụng.

- Quyền sử dụng đất diện tích 280 m^2 thuộc thửa đất số 2303, 2304, 2306, tờ bản đồ số 03, đất có giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số H02564/2834/2007HĐ-CN do UBND huyện C, tỉnh Tây Ninh cấp ngày 22-8-2007 cho bà Lê Thị N1 đứng tên sử dụng.

(Đất tọa lạc tại ấp B, xã Đ, huyện C, tỉnh Tây Ninh).

[2.7] Đối với căn nhà trên đất: Các đương sự thống nhất là tài sản thuộc quyền sở hữu của bà H, không có tranh chấp. Đối với các tài sản khác trên đất như cây dừa, cây tạp..: các đương sự không có tranh chấp.

[2.8] Chi phí tố tụng: Chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ, định giá tài sản tranh chấp là 4.000.000 đồng, bà H tự nguyện chịu chi phí tố tụng nên Hội đồng xét xử ghi nhận.

[2.9] Đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Tây Ninh phù hợp quy định pháp luật nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[**2.10]** Quyền kháng cáo: Bà Bùi Thị X đã tham gia phiên tòa nhưng vắng mặt khi tuyên án không có lý do nên thời hạn kháng cáo của bà được tính từ ngày tuyên án.

[2.11] Về án phí dân sự sơ thẩm:

Do yêu cầu của bà H được chấp nhận nên bị đơn là bà N, bà T phải chịu án phí không có giá ngạch, bà H phải chịu án phí có giá ngạch tương ứng với giá trị tài sản bà được chia theo di chúc (giá trị hai phần đất là 600.000.000 đồng theo Biên bản định giá ngày 02 tháng 3 năm 2023) theo quy định tại Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 về án phí, lệ phí.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

- Điều 147, 157, 165, 227, 228, 271, 273 Bộ luật Tố tụng dân sự;

- Điều 611, 612, 613, 623, 643, 659 Bộ luật Dân sự năm 2015;

- Điều 646, 648, 652, 653, 657 Bộ luật Dân sự năm 2005;

- Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1.Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Bùi Thị H đối với bà Bùi Thị N, bà Bùi Thị T về việc "Tranh chấp về thừa kế tài sản".

Công nhận Di chúc do bà Lê Thị N1 lập ngày 30-5-2011, số công chứng 279 quyển số 01TP/CC-SCC/HĐGD tại Phòng C1.

2. Bà Bùi Thị H được phân chia di sản theo nội dung di chúc như sau:

Bà Bùi Thị H được quyền sở hữu các tài sản sau:

- Quyền sử dụng đất diện tích 120 m^2 thuộc thửa đất số 2305 (thửa mới 430), tờ bản đồ số 03 (tờ bản đồ mới 09), đất có giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số H02563/2834/2007HĐ-CN do Ủy ban nhân dân huyện C, tỉnh Tây Ninh cấp ngày 22-8-2007 cho bà Lê Thị N1 đứng tên sử dụng.

- Quyền sử dụng đất diện tích 280 m^2 (đo đạc thực tế là 274,5 m^2) thuộc thửa đất số 2303, 2304, 2306 (thửa mới 435), tờ bản đồ số 03 (tờ bản đồ mới 09), đất có giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số H02564/2834/2007HĐ-CN do Ủy ban nhân dân huyện C, tỉnh Tây Ninh cấp ngày 22-8-2007 cho bà Lê Thị N1 đứng tên sử dụng.

(Đất tọa lạc tại ấp B, xã Đ, huyện C, tỉnh Tây Ninh, có sơ đồ đo vẽ kèm theo).

Bà Bùi Thị H có quyền liên hệ với cơ quan Nhà nước có thẩm quyền để làm thủ tục đăng ký quyền sử dụng đất phù hợp với quyết định của bản án theo quy định pháp luật.

3. Ghi nhận: Các đương sự không tranh chấp các tài sản gắn liền với đất.

4. Về chi phí tố tụng: Bà Bùi Thị H tự nguyện chịu 4.000.000 (bốn triệu) đồng chi phí tố tụng. Ghi nhận đã nộp xong.

5. Về án phí dân sự sơ thẩm:

Bà Bùi Thị H phải chịu 28.000.000 (hai mươi tám triệu) đồng án phí dân sự sơ thẩm, được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí bà H đã nộp là 6.250.000 (sáu triệu hai trăm năm mươi nghìn) đồng theo biên lai thu tiền số 0017391 ngày 17-5-2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Châu Thành, tỉnh Tây Ninh. Bà H còn phải nộp thêm án phí dân sự sơ thẩm là 21.750.000 (hai mươi mốt triệu bảy trăm năm mươi nghìn) đồng.

Bà Bùi Thị N, bà Bùi Thị T mỗi người phải chịu 300.000 (ba trăm nghìn) đồng án phí dân sự sơ thẩm.

6. Kể từ ngày bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

7. Bà Bùi Thị H, bà Bùi Thị N, bà Bùi Thị T, bà Bùi Thị X có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án. Các đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án dân sự hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Tây Ninh;
- VKSND huyện Châu Thành;
- Chi cục THADS huyện Châu Thành;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án;
- Lưu: VT.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Thị Kim Quyên